**TUẦN 19 Tiết 37** Ngày soạn : **29**/1/2023

 Ngày dạy : 30/1/2023

**Bài 31. VÙNG ĐÔNG NAM BỘ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Hiểu được vùng Đông Nam Bộ là vùng phát triển kinh tế năng động .đó là kết quả khai thác tổng hợp lợi thế vị trí và các điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên trên đất liền, trên biển cũng như đặc điểm dân cư và xã hội .

**2. Kỹ năng**

 - Đọc bảng số liệu, lược đồ để khai thác kiến thức để giải thích một số chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội cao nhất trong cả nước .

 - Xác định, quan sát bản đồ để rút ra nhận xét .

**3. Thái độ**

 - Nghiêm túc nghiên cứu bài một cách chủ động và sáng tạo .

 - Thêm yêu môn học

 ***-*** Ý thức bảo vệ môi trường

**4. Định hướng phát triển năng lực**

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực chuyên biệt: Phân tích lược đồ vùng Đông Nam Bộ

**II. CHUẨN BỊ**

**1, Giáo viên**

 - Bản đồ tự nhiên vùng Đông Nam Bộ,các vùng kinh tế

 - Bảng số liệu 31.1 và 31.2 SGK

**2, Học sinh**

- Học bài cũ, đọc trước bài mới

 - Sgk, vở ghi

**III. Tổ chức các hoạt động học tập**

 **A. Tình huống xuất phát ( 5 p)**

-Mục tiêu : giúp học sinh nhận biết vùng ĐNB có diện tích nhỏ nhưng lại là vùng phát triển kinh tế năng động do khai thác hợp lí các ĐKTN và TNTN cũng như về dân cư xã hội.

 - Phương pháp :trực quan -cá nhân

 - Phương tiện : lược đồ 7 vùng kinh tế

 - Các bước hoạt động:

 + B1 Giao nhiệm vụ :gv treo bản đồ và nêu câu hỏi

 + B2 HS quan sát bản đồ

 + B3 GV dẫn dắt vào bài mới

Em hãy xác định 7 vùng kinh tế của nước ta ,cho biết những vùng chúng ta đã học trong học kì 1 và những vùng chúng ta sẽ học trong học kí 2. Em có nhận xét gì về diện tích phần đất liền của vùng ĐNB

 **B. Hình thành kiến thức mới**

 **Hoạt động 1: Vị trí địa lí và giới hạn lãnh thổ**

**Mục tiêu:** Học sinh nắm được vị trí địa lí và giới hạn lãnh thổ vùng Đông Nam Bộ.

**Phương pháp:** trực quan ,đàm thoại

**Hình thức : cá nhân**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và học sinh** | **Nội dung** |
| Bước 1:Cho HS quan sát hình 31.1 hoặc bản đồ treo tường và trả lời câu hỏi: ***Xác định vị trí giới hạn của vùng?******Cho biết diện tích của vùng, vùng có bao nhiêu tỉnh thành phố?******Nêu ý nghĩa về vị trí địa lí của vùng Đông Nam Bộ?*** **+ Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ học tập,các học sinh khác bổ sung**+ Bước 3:** Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ: Gv nhận xét và chuẩn kiến thức | **I. Vị trí địa lí và giới hạn lãnh thổ.** - Phía Bắc và phía TâyBắc giáp Cam-pu-chia , Phía Nam giáp biển Đông.-Phía Đông giáp với Tây Nguyên, Duyên Hải Nam Trung Bộ -Phía Tây Nam giáp Đồng Bằng Sông Cửu Long, - Diện tích: 23 500 km2- Là vùng có diện tích tương đối hẹp 23 500 km2 có 6 tỉnh thành- Là cầu nối giữa Tây Nguyên, Duyên Hải Nam Nam Trung Bộ, Đồng Bằng Sông Cửu Long. Có vi trí gần trung tâm khu vực ĐNA. |

**Hoạt động 2: Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên**

**Mục tiêu:** Học sinh nắm được điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên vùng Đông Nam Bộ

**Phương pháp:** trực quan ,đàm thoại.

**Hình thức : cặp đôi**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và học sinh** | **Nội dung** |
|  Bước 1:Hướng dẫn học sinh nghiên cứu bảng 31.1 SGK và trả lời câu hỏi***Dựa vào bảng 31.1 SGK và bản đồ tự nhiên của vùng nêu đặc điểm tự nhiên và tiềm năng kinh tế trên đất liền, trên biển của vùng?******Xác định các con sông Đồng Nai, sông Sài Gòn, sông Bé trên bản đồ treo tường?*** ***Vì sao nói lưu vực sông Đồng Nai có tầm quan trọng đặc biệt đối với Đông Nam Bộ?*** ***Vì sao phải bảo vệ rừng đầu nguồn và hạn chế ô nhiễm nước của các dòng sông?******Ngoài những vấn đề trên Đông Nam Bộ còn gặp phải những khó khăn nào khác?***+ Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập:+Bước 3 :Các cặp nhóm trả lời+Bước 4 : gv chuẩn kiến thức | **II. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên.** + Địa hình thoải có đất ba dan, đất xám, khí hậu cận xích đạo nóng ẩm, nguồn sinh thuỷ tốt.+ Biển ấm ngư trường rộng, hải sản phong phú, gần đường hàng hải quốc tế, thềm lục địa nông rộng,có tiềm năng lớn về dầu khí.+ Có hệ thống sông Đồng Nai là nguồn cung cấp nước cho vùng. - Đất liền ít khoáng sản, diện tích rừng hẹp, nguy cơ ô nhiễm môi trường cao …. |

**C. Luyện tập, vận dụng (3’)**

**Mục tiêu:**

Giúp sinh nắm chắc nội dung kiến thức bài học

**Phương thức thực hiện:** Hoạt động cá nhân

**Tiến trình thực hiện:**

Gv nêu câu hỏi : Vì sao ĐNB có điều kiện phát triển kinh tế biển ?

**D. Mở rộng (3')**

? Vì sao Đông Nam Bộ có sức thu hút mạnh mẽ đối với lao động của cả nước?

 - GV: Hướng dẫn học sinh làm bài tập 3 SGK.

 - Học và trả lời bài theo câu hỏi SGK.

 - Làm bài tập 3 SGK

 - Chuẩn bị trước bài mới, bài 32 “Vùng Đông Nam Bộ (tiếp theo)”.

**Luyện tập**

**Câu 1** : **Thánh địa Mỹ Sơn ,phố cổ Hội An là địa điểm du lịch nổi tiếng thuộc vùng:**

 A. ĐB sông Hồng B. Bắc Trung Bộ

 C. Duyên hải Nam Trung Bộ D. Tây Nguyên

**Câu 2.** **Công cuộc đổi mới nền kinh tế nước ta bắt đầu từ năm:**

A. 1975 B. 1986 C. 1995 D . 1996

**Câu 3**. **Các địa danh nổi tiếng : Non Nước , Sa Huỳnh, Mũi Né, Mỹ Sơn thuộc vùng kinh tế:**

A. Đông Nam Bộ B. Tây Nguyên

C. Duyên Hải Nam Trung Bộ D. Đồng Bằng Sông Hồng

**Câu 4**:**Các dân tộc ít người ở nước ta chiếm khoảng:**

A.14% dân số cả nước B.16% dân số cả nước

C.18% dân số cả nước D.20% dân số cả nước

**Câu 5** : **Ngành công nghiệp khai khoáng và thủy điện phát triển nhất nước ta thuộc vùng:**

A .Bắc Trung Bộ B. Trung du và miền núi Bắc Bộ

C. Tây Nguyên D. Duyên hải Nam Trung Bộ

**Câu 6 :Thành phần kinh tế nào sau đây giúp cho nội thương nước ta phát triển mạnh ?**

A.Thành phần k tế Nhà nước B.Thành phần k tế tư nhân

C.Thành phần k tế tập thể D.Thành phần k tế có vốn đầu tư nước ngoài

**Câu 7: Thuỷ năng của sông, suối là cơ sở để phát triển ngành công nghiệp:**

A- Hoá chất.

B- Luyện kim.

C- Năng lượng.

D- Sản xuất vật liệu xây dựng.

**Câu 8** : **Năm 1999,số dân nước ta khoảng 78 triệu người (lấy tròn số ),số người trên 60 tuổi là 6.318.000 người. Hỏi số người trên 60 tuổi chiếm bao nhiêu % tổng số dân**

A. 8,5 % B. 8.4 % C. 8.2 % D. 8.1 %

**Câu 9. Tỉ lệ sinh 1979 là 32,5%o, tỉ lệ tử là 7,2%o. Vậy tỉ lệ tăng tự nhiên năm đó là:** A. 25,3%o B. 2,53% C. 42,4% D. 4,24%o

**Câu 10: Trên lãnh thổ phần đất liền của nước ta rộng 330.976 km2,năm 2015 có 14.062 nghìn hecta rừng thì tỉ lệ che phủ rừng của nước ta là:**

A- 2,35%. B- 4,24%. C- 23,53%. D- 42,48%.